TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HC-ST
Ngày: 19 - 3 - 2025
V/v khiếu kiện: "Quyết định hành chính, hành vi hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Huỳnh Việt Trung.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Ngọc Lan.**

2. Ông **Bùi Hiếu Nhường.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số*:* 34/2024/TLST-HC ngày 02 tháng 10 năm 2024 về: "Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Ngọc Ý**, sinh năm 1944;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bị kiện:

1. **Giám đốc Sở Lao động - Thương bình và Xã hội tỉnh T (nay là Sở N).**

2. **Sở Lao động - Thương bình và Xã hội tỉnh T (nay là Sở N).**

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Lý Văn C**, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số C đường H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà **Nguyễn Thị Kiều L**, chức vụ: Phó Giám đốc. (theo Giấy ủy quyền ngày 06/3/2025)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn N (Nguyễn Văn D)**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà **Lê Thị T (Mai Thị T1)**, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà Ý, bà L, ông N; Vắng mặt bà T1)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung 26/8/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Nguyễn Ngọc Ý trình bày:*

Tại Quyết định của Trưởng ty Thương binh và xã hội tỉnh T thừa ủy quyền UBND tỉnh ban hành ngày 14/3/1978 về việc trợ cấp tiền tuất cho gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn H kể từ 17/6/1976 trợ cấp cho ông Nguyễn Văn T2 và con liệt sĩ Nguyễn Văn D (đã được đính chính là Nguyễn Văn N) đến tháng 10/1985 giảm trợ cấp đối với ông Nguyễn Văn T2 do ông T2 mất là không đúng đối tượng được hưởng do ông Nguyễn Văn N không phải là con của liệt sĩ Nguyễn Văn H.

Tại Văn bản trả lời giải quyết khiếu nại lần 2 số 1195/SLĐTBXH- TTS ngày 17/5/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T "về việc trả lời đơn phản ánh, kiến nghị của bà Nguyễn Ngọc Ý" đã trả lời với nội dung:

1. Yêu cầu chuyển hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Văn H về xã T và ghi tên vào nhà bia ghi danh liệt sĩ tại UBND xã T là không có cơ sở vì liệt sĩ Nguyễn Văn H không có người thân nhân chủ yếu tại xã T.

2. Xác minh thu thập lời khai của ông Lê Hoàng H1 và ông Lê Văn H2 là hai người chung đơn vị công tác với liệt sĩ Nguyễn Văn H không đủ căn cứ để xác định chính xác vị trí hy sinh của liệt sĩ Nguyễn Văn H.

3. Kiểm tra xem xét lại tờ khai thân nhân liệt sĩ do bà Lê Thị T khai ngày 27/02/1977 đối với liệt sĩ Nguyễn Văn H là chính xác và có cơ sở pháp lý.

4. Hướng dẫn thân nhân thực hiện thủ tục để chuyển liệt sĩ Nguyễn Văn H từ xã L về xã T để thực hiện việc an táng, xác định bà Ý không phải là thân nhân chủ yếu nên không thể quyết định việc di chuyển mộ liệt sĩ theo nguyên vọng cá nhân được.

Nhận thấy, kết quả giải quyết khiếu nại này chưa phản ánh chính xác sự thật khách quan gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà, cụ thể:

1. Về lý lịch nhân thân của liệt sỹ Nguyễn Văn H

Liệt sỹ Nguyễn Văn H, sinh năm 1946 (hy sinh năm 1970, hồ sơ số 16304 TG), là con của ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1902, mất năm 1985) và bà Phạm Thị H3 (sinh năm 1906, hy sinh năm 1965, hồ sơ số 12108 TG). Liệt sỹ Nguyễn Văn H là em trai ruột của bà. Gia đình bà sinh sống tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (trước đây là xã P).

Ngày 03/01/1962, liệt sỹ H nhập ngũ tại đơn vị C305B1 - Bộ đội tác chiến phía Nam với vị trí Y tá. Ngày 30/4/1975, đơn vị C305B2 (Quận H cũ) thông báo cho gia đình bà rằng liệt sỹ H đã hy sinh vào ngày 05/7/1970 tại xã V (quận

H) và có thể đã được an táng tại khu vực lối Cây dương của xã V. Tại thời điểm nhập ngũ, liệt sỹ H chỉ mới 16 tuổi, không có vợ con.

Năm 2015, bà đã gửi đơn đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện G xin chuyển tên liệt sỹ H vào danh sách tại UBND xã T. Chỉ sau đó gia đình bà mới được cung cấp Giấy báo tử, mặc dù Giấy báo tử đã có từ ngày 20/2/1978 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T nhưng gia đình bà không hề nhận được. Bà phát hiện rằng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện G đã chuyển tên liệt sỹ H về nhà bia ghi danh liệt sỹ tại xã L và cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ cho bà Lê Thị T ở tại UBND xã L Việc này là không đúng và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

2. Bà T làm giả chữ ký của ông T2 và chữ ký của Chủ tịch UBND xã P ông Đỗ Tấn M để kê khai khống Tờ khai của gia đình liệt sĩ ngày 27/02/1977.

Tại văn bản trả lời khiếu nại số 1195/SLĐTBXH- TTS ngày 17/5/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T ghi nhận "Theo hồ sơ lưu thì hồ sơ liệt sĩ do ông Nguyễn Văn T2 (cha liệt sĩ) khai ngày 27/02/1977 gồm các nội dung: Liệt sĩ Nguyễn Văn H sinh năm 1942, nguyên quán ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Gia đình liệt sĩ gồm có 04: Cha Nguyễn Văn T2, mẹ Phạm Thị H3 (chết), vợ Lê Thị T sinh năm 1945 (tái giá), con Nguyễn Văn D sinh năm 1970 (đã được đính chính thành Nguyễn Văn N), cư ngụ tại xã L, huyện G. Trên cơ sở hồ sơ khai UBND xã P đã cấp Giấy chứng nhận tình hình thân nhân gia đình liệt sĩ trên cơ sở tờ khai của ông Nguyễn Văn T2 và đề nghị cấp Giấy chứng nhận hy sinh, giấy chứng nhận liệt sĩ. Như vậy, toàn bộ phần nhân thân của liệt sĩ H đều được Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh T căn cứ dựa trên Tờ khai của gia đình liệt sĩ ngày 27/02/1977 của ông T2 mà không hề có kiểm tra lại hay đối chiếu với các tài liệu, giấy tờ khác dẫn đến sự thiếu khách quan trong quá trình thanh tra, giải quyết khiếu nại của Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh T. Hơn nữa, tờ khai ngày 27/02/1977 này là do bà T tự ý khai khống, giả mạo chữ ký của ông T2 và Chủ tịch UBND xã P ông Đỗ Tấn M, chứ ông T2 không hề biết về chuyện này. Để đảm bảo sự công bằng và minh bạch, bà đề nghị Tòa án tiến hành Giám định chữ ký tại Tờ khai ngày 27/02/1977 này xem có phải là chữ ký của ông T2 và Chủ tịch UBND xã P hay không.

Ngoài ra, tại Tờ khai này, mọi thông tin kê khai đều có sai sót, bao gồm: năm sinh của liệt sĩ H là 1942 (tại Tờ khai ghi nhận năm 1946); năm sinh của bà T là năm 1942 (tại Tờ khai ghi nhận là 1945); họ tên con chung là Nguyễn Văn N (Tờ khai ghi nhận là Nguyễn Văn D). Những sai sót này càng khẳng định rằng Tờ khai này có nhiều điểm không chính xác và có dấu hiệu vi phạm pháp luật của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T trong việc cấp giấy chứng nhận hy sinh và giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ cho bà Lê Thị T ở tại UBND xã L là không đúng.

Trong văn bản trả lời khiếu nại số 1195/SLĐTBXH-TTS ngày 17/5/2024, khi xác minh thu thập lời khai của ông Lê Hoàng H1 và ông Lê Văn H2, là hai người từng chung đơn vị công tác với liệt sỹ Nguyễn Văn H, đã lập luận rằng

hai ông chỉ nghe nói lại chứ không biết chính xác nơi hy sinh và nơi an táng ban đầu của liệt sỹ Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, trong cùng văn bản này, tại mục kiểm tra và xem xét lại Tờ khai thân nhân liệt sỹ do bà Lê Thị T khai ngày 27/02/1977, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh T lại chấp nhận lời khai của ông Đặng Thanh H4, người cũng công tác chung đơn vị với liệt sỹ Nguyễn Văn H, rằng ông H và bà T sống chung như vợ chồng nhưng không có lễ tuyên bố của đơn vị. Điều này cho thấy sự đánh giá của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T là thiếu khách quan, khi chấp nhận một bên và phủ định một bên khác mà không có chứng cứ xác thực.

Từ những lý do này, để đảm bảo sự công bằng cho gia đình bà và mang lại danh dự xứng đáng cho liệt sĩ Nguyễn Văn H, bà nộp đơn khởi kiện này với mong muốn rằng liệt sĩ H được ghi nhận đúng tên họ và nguyên quán, mang lại niềm tin và hạnh phúc lớn nhất cho gia đình liệt sĩ. Bà xin đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết các yêu cầu sau:

1. Hủy Văn bản trả lời khiếu nại số 1195/SLĐTBXH- TTS ngày 17/5/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T do có sai sót trong quá trình giải quyết khiếu nại và không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bà

2. Yêu cầu hủy Quyết định trợ cấp tiền tuất cho gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn H của Trưởng ty Thương binh và xã hội tỉnh T thừa ủy quyền UBND tỉnh ban hành ngày 14/3/1978.

3. Yêu cầu Sở L thực hiện đúng nghĩa vụ pháp lý cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ cho bà.

** Theo văn bản số 3292/SLĐTBXH-TTS ngày 25/10/2024, người bị kiện là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T (nay là Sở Nội vụ tỉnh T) trình bày:*

I. Hồ sơ gốc lưu trữ thể hiện.

Hồ sơ do ông Nguyễn Văn T2 (cha liệt sĩ) khai ngày 27/02/1977, liệt sĩ Nguyễn Văn H, sinh năm 1942, nguyên quán ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang; tham gia cách mạng ngày 03/01/1962; hy sinh ngày 05/7/1970 trong lúc làm nhiệm vụ; nơi hy sinh xã B, A, huyện C; chức vụ lúc hy sinh Phó ban (Y tá) quân y huyện H (cũ); thi hài của liệt sĩ mai táng tại B, An Thạnh T3, huyện C; gia đình liệt sĩ gồm có 04 người: cha Nguyễn Văn T2, mẹ Phạm Thị H3 (chết), vợ Lê Thị T (tái giá), con Nguyễn Văn D (đã được đính chính thành Nguyễn Văn N, cư ngụ tại xã L, huyện G). Trên cơ sở tờ khai của thân nhân liệt sĩ UBND xã P cấp Giấy chứng nhận tình hình thân nhân trong gia đình liệt sĩ và lập biên bản đề nghị cơ quan chức năng liên quan cấp giấy chứng nhận hy sinh, giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và giải quyết quyền lợi cho gia đình liệt sĩ (đính kèm hồ sơ).

Ngày 20/02/1978, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T cấp Giấy báo tử đối với ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1942, nguyên quán ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang và ông Nguyễn Văn H được công nhận là liệt sĩ (đính kèm).

Ngày 14/3/1978, Trưởng ty Thương binh và Xã hội tỉnh T thừa ủy quyền UBND tỉnh ban hành Quyết định trợ cấp tiền tuất cho gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn H kể từ 17/6/1976 (trợ cấp cho ông Nguyễn Văn T2 và con liệt sĩ Nguyễn Văn D), đến tháng 10/1985 giảm trợ cấp đối ông Nguyễn Văn T2 (mất) (đính kèm).

Cũng trên hồ sơ lưu thì ngày 30/7/1995, ông Nguyễn Văn N1 (anh ruột liệt sĩ H) có giấy thừa nhận bà Lê Thị T là vợ liệt sĩ và Nguyễn Văn N (Nguyễn Văn D) là con liệt sĩ Nguyễn Văn H và đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp tuất vợ liệt sĩ tái giá (đính kèm).

II. Kiến nghị và quá trình giải quyết kiến nghị.

1. Nội dung kiến nghị/khiếu nại

Từ năm 2020 đến nay bà Nguyễn Ngọc Ý đã gửi đơn kiến nghị, phản ánh đến nhiều cơ quan và đã được Ủy ban nhân dân huyện G, Sở Lao động Thương binh và Xã hội trả lời nhưng bà vẫn không đồng ý và tiếp tục khiếu kiện. Cụ thể các vấn đề bà yêu cầu chủ yếu:

a) Yêu cầu chuyển hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Văn H về xã T và ghi tên vào nhà bia ghi danh liệt sĩ tại UBND xã T.

b) Xác minh thu thập lời khai của ông Lê Hoàng H1 và ông Lê Văn H2 là hai người chung đơn vị công tác với liệt sĩ Nguyễn Văn H.

c) Kiểm tra xem xét lại tờ khai thân nhân liệt sĩ do bà Lê Thị T khai ngày 27/02/1977 đối với liệt sĩ Nguyễn Văn H.

d) Hướng dẫn thân nhân thực hiện thủ tục để chuyển linh cửu liệt sĩ Nguyễn Văn H từ xã L về xã T để thực hiện việc an táng.

2. Kết quả thẩm tra, xác minh giải quyết kiến nghị.

a) Yêu cầu chuyển hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Văn H về xã T và ghi tên vào nhà bia ghi danh liệt sĩ tại UBND xã T

Nội dung yêu cầu này xuất phát từ việc bà Nguyễn Ngọc Ý không thừa nhận bà Lê Thị T là vợ và ông Nguyễn Văn N là con liệt sĩ Nguyễn Văn H, bà cho rằng em bà lúc tham gia cách mạng cho đến lúc chết em của bà không có vợ con.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng về Đối tượng hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (*tại khoản 2 Điều 3 của Pháp lệnh: Thân nhân của người có công với cách mạng bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sĩ*), liệt sĩ Nguyễn Văn H có con là ông Nguyễn Văn N thân nhân chủ yếu của liệt sĩ, hiện đang sinh sống tại xã L, huyện G, bà Ý là chị ruột của liệt sĩ theo quy định của pháp luật không được xem là thân nhân chủ yếu. Hiện nay tại xã T, liệt sĩ Nguyễn Văn H không còn thân nhân chủ yếu sinh sống nên không có cơ sở, căn cứ để chuyển hồ sơ liệt sĩ từ xã L về xã T.

Về kiến nghị ghi tên liệt sĩ Nguyễn Văn H vào nhà bia ghi danh liệt sĩ tại xã T, kiến nghị này đã được UBND xã T ghi nhận và đã tô chức ghi danh liệt sĩ Nguyễn Văn H tại nhà bia của xã vào năm 2019. Đồng thời, liệt sĩ cũng được ghi danh tại nhà bia ghi danh liệt sĩ xã L - nơi thân nhân chủ yếu của liệt sĩ đang sinh sống và hưởng các chế độ ưu đãi thân nhân người có công.

Việc ghi danh liệt sĩ tại nhà bia xã L, nơi thân nhân chủ yếu của liệt sĩ đang sinh sống và nhà bia xã T (năm 2019), nơi nguyên quán của liệt sĩ là một trường hợp đặc biệt và đó là một vinh dự lớn đối với thân nhân gia đình liệt sĩ nhằm ghi nhớ công ơn tinh thần chiếu đấu hy sinh của liệt sĩ vì độc lập của Tổ quốc để giáo dục truyền thống cách mạng địa phương.

b) Xác minh thu thập lời khai của ông Lê Hoàng H1 và ông Lê Văn H2 là hai người chung đơn vị công tác với liệt sĩ Nguyễn Văn H.

Đây là hai người cùng địa phương tham gia cách mạng cùng thời với liệt sĩ H nên bà Ý cho rằng hai ông Lê Hoàng H1 và ông Lê Văn H2 là những người biết rõ về trường hợp hy sinh và nơi an táng ban đầu của liệt sĩ Nguyễn Văn H. Tuy nhiên qua kết quả xác minh cho thấy:

Quá trình giải quyết đơn của bà Nguyễn Ngọc Ý các ngành đã có tiếp xúc với hai ông nhiều lần để ghi nhận cụ thể trường hợp hy sinh và nơi an táng liệt sĩ Nguyễn Văn H.

Theo biên bản làm việc ngày 07/01/2020 tại nhà ông Lê Hoàng H1, ấp B xã T, huyện G thì thời điểm liệt sĩ Nguyễn Văn H hy sinh (05/7/1970) thì ông chuyển địa bàn công tác sang Bến Tre, nên ông không biết trường hợp hy sinh hay vị trí mộ liệt sĩ H.

Tương tự cùng ngày 07/01/2020 tại nhà ông Lê Văn H2 ấp B xã T, huyện G cho biết ông tham gia cách mạng bị bắt 1967 đến 1973 trao trả tù binh. Bản thân ông chỉ nghe nói lại chứ không biết trường hợp hy sinh hay vị trí mộ liệt sĩ H.

Tại biên bản cuộc họp ngày 18/02/2020 tại xã T có Phòng LĐTBXH huyện, UBND và đoàn thể xã có bà Nguyễn Ngọc Ý, ông Lê Hoàng H1 và ông Lê Văn H2. Hai ông H1 và H2 có ý kiến như biên bản làm việc ngày 07/01 trước đó.

Tại biên bản cuộc họp ngày 22/12/2023 tại UBND xã T, ông H2 cho biết ông và liệt sĩ H1 cùng công tác chung năm 1967 ông bị thương và địch bắt tù đến 1973 trao trả về. Sau hòa bình ông nghe ông Ba D1 nói "có thể" liệt sĩ H1 hy sinh ở V vì vùng này đánh ác liệt, ông không biết cụ thể nơi hy sinh và nơi chôn cất. Tương tự ông H1 cho biết ông có công tác chung với liệt sĩ H1 nhưng đến năm 1969 ông chuyển về Vang Quới, khi công tác điều trị thương binh tại quân y mới nghe tin anh H1 hy sinh, bà không biết anh H1 chôn cất ở đâu. Nội dung trên đúng như bảng tường trình ngày 19/3/2024 của hai ông Lê Hoàng H1 và ông Lê Văn H2 ghi nhận hai ông có công tác chung với liệt sĩ Nguyễn Văn H

nhưng sau đó bị địch bắt từ 1967 bỏ tù, trao trả năm 1973 (đối với ông H2) và chuyển đơn vị khác (đối với ông H) cả hai ông và chỉ nghe đồng đội cũ nói lại liệt sĩ Nguyễn Văn H hy sinh ở xã V và không biết nơi an táng cụ thể (đính kèm 02 bản tường trình)

Như vậy bà Nguyễn Ngọc Ý căn cứ vào thông tin ban đầu vào năm 2019 của hai ông Lê Hoàng H1 và ông Lê Văn H2 rồi khẳng định liệt sĩ hy sinh và chôn tại V là không có cơ sở.

c) Kiểm tra xem xét lại tờ khai thân nhân liệt sĩ do bà Lê Thị T khai ngày 27/02/1977 đối với liệt sĩ Nguyễn Văn H.

Theo hồ sơ lưu thì hồ sơ liệt sĩ do ông Nguyễn Văn T2 (cha liệt sĩ) khai ngày 27/02/1977 gồm các nội dung: Liệt sĩ Nguyễn Văn H sinh năm 1942, nguyên quán ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Gia đình liệt sĩ gồm có 04 người: Cha Nguyễn Văn T2, mẹ Phạm Thị H3 (chết), vợ Lê Thị Tống sinh 1945 (tái giá), con Nguyễn Văn D sinh 1970 (đã được đính chính thành Nguyễn Văn N), cư ngụ tại xã L, huyện G. Trên cơ sở hồ sơ khai UBND xã P đã cấp Giấy chứng nhận tình hình thân nhận gia đình liệt sĩ trên cơ sở tờ khai của ông Nguyễn Văn T2 và đề nghị cấp giấy chứng nhận hy sinh, giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

Cũng qua xác minh, bà Lê Thị T trước công tác giao liên sau chuyển về Quân y chung đơn vị với liệt sĩ Nguyễn Văn H (đơn vị C305) và hai người có tình cảm, sống như vợ chồng. Bà T có 02 người con với liệt sĩ H nhưng người con gái đầu bị bệnh chết khi mới 01 tháng tuổi, lúc liệt sĩ H hy sinh là bà chuẩn bị sinh con thứ hai nên đơn vị không cho biết, sau này bà mới biết về trường hợp hy sinh của chồng mình là bị nổ lựu đạn khi đang chuyển thương và được chuyển về xã B, huyện C. Về hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Văn H là do ông Nguyễn Văn T2 làm, bản thân bà không có làm (*đính kèm biên bản xác minh).*

Nhân chứng biết về mối quan hệ giữa liệt sĩ H và bà T có ông Đặng Thanh H4, sinh năm 1940, ngụ ấp P, xã V, huyện C, là người công tác chung đơn vị với liệt sĩ Nguyễn Văn H cho biết: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Tống S chung như vợ chồng nhưng không có làm lễ tuyên bố của đơn vị, nhưng về mặt xã hội lúc đó xem như là hai vợ chồng (đính kèm biên bản xác minh).

Ngoài ra trong hồ sơ liệt sĩ còn thể hiện Giấy thừa nhận ngày 30/7/1995 của Nguyễn Văn N1 sinh năm 1943 ấp H, xã B, huyện G là anh của liệt sĩ H, thừa nhận: "bà Lê Thị T là vợ của em tôi và được tái giá với ông Ngô Việt Q. Mặc dù em dâu tôi có chồng khác nhưng vẫn nuôi con của liệt sĩ H là Nguyễn Văn N từ nhỏ đến tuổi trưởng thành". Ngoài ra ông Nguyễn Văn Tăng T4, là con ông Nguyễn Văn N1 cho biết thêm, hàng năm vào ngày lễ, giỗ của gia đình thì bà T5 và ông N đều có về dự (đính kèm biên bản xác minh).

d) Hướng dẫn thân nhân thực hiện thủ tục để chuyển liệt sĩ Nguyễn Văn H từ xã L về xã T để thực hiện việc an táng.

Việc xác định hài cốt liệt sĩ Nguyễn Văn H để quy tập từ Bến Tre về nghĩa trang liệt sĩ huyện G được các nhân chứng từng là đồng đội chung đơn vị với liệt sĩ xác định thời điểm bị thương là năm 1970 tại khu vực xã V (bị thương nặng bộ phận sinh dục) được đồng đội chuyển thương sang Trạm giao liên thuộc cù lao địa phận Bến Tre để điều trị, nhưng do vết thương quá nặng anh "Sáu Hoa N2" đã hy sinh và chôn ngay trong đêm.

Sau khi có thông tin từ chính quyền địa phương về trường hợp có mộ chôn ở khu vực cù lao địa phận Bến Tre, Ban chỉ huy Quân sự huyện đã tiến hành xác minh và phối hợp Phòng LĐTBXH huyện Gò Công T6, các đồng chí cùng công tác với liệt sĩ và gia đình bốc hài cốt liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ huyện G (đính kèm hồ sơ).

Trước đây bà Ý không thừa nhận hài cốt được quy tập về nghĩa trang liệt sĩ huyện là của liệt sĩ Hoa bà yêu cầu các ngành tìm kiếm nhưng không cung cấp được thông tin gì, kể cả yêu cầu giám định ADN bà cũng không đồng ý.

III. Nhận xét, đánh giá

Kết quả thẩm tra hồ sơ gốc lưu trữ, thì việc xác lập hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Văn H do ông Nguyễn Văn T2 (cha liệt sĩ lập) được thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại khoản 2, Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng, ông Nguyễn Văn N là thân nhân chủ yếu của liệt sĩ Nguyễn Văn H, hiện đang sinh sống tại xã L, huyện G. Tại xã T, liệt sĩ Nguyễn Văn H không còn thân nhân chủ yếu sinh sống nên không có cơ sở, căn cứ để chuyển hồ sơ liệt sĩ từ xã L về xã T và cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ cho bà Nguyễn Ngọc Ý.

Việc quy tập hài cốt về nghĩa trang liệt sĩ huyện G được tổ chức thực hiện đúng quy định những người thân của liệt sĩ tham gia quy tập đều thống nhất và xác định phần mộ đó chính là liệt sĩ Nguyễn Văn H.

Trong nhiều năm qua, bà Nguyễn Ngọc Ý đã gửi đơn nhiều lần, nhiều nơi và được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân huyện, Thanh tra huyện, phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Gò Công T6 giải quyết nhưng bà vẫn không đồng ý, tiếp tục phản ánh, kiến nghị nhưng không có cơ sở pháp lý để giải quyết.

IV. Kết quả giải quyết

- Ngày 12/10/2020, Sở LĐTBXH tỉnh T ban hành Công văn số 2393/SLĐTBXH-TTS về việc trả lời đơn kiến nghị. Nội dung: Xóa tên liệt sĩ Nguyễn Văn H ở UBND xã L và ghi tên liệt sĩ Nguyễn Văn H ở UBND xã T; Xóa tên liệt sĩ Nguyễn Văn H tại nhà bia ghi danh liệt sĩ xã L và ghi tên liệt sĩ Nguyễn Văn H tại nhà bia danh liệt sĩ xã T; xem xét lại hài cốt liệt sĩ Nguyễn Văn H (hy sinh ở đâu) tỉnh Tiền Giang hay tỉnh Bến Tre (đính kèm).

- Ngày 05/01/2024, Sở LĐTBXH tỉnh T ban hành Công văn số 34/SLĐTBXH-TTS về việc trả lời đơn kiến nghị. Nội dung: di chuyển hồ sơ liệt

sĩ Nguyễn Văn H hiện đang quản lý tại xã L về xã T; cấp lại giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ tại xã T; ghi tên liệt sĩ Nguyễn Văn H tại nhà bia ghi danh liệt sĩ xã T đồng thời xóa tên liệt sĩ tại nhà bia ghi danh liệt sĩ xã L; xem xét lại hài cốt liệt sĩ Nguyễn Văn H mà các cơ quan chức năng quy tập về nghĩa trang liệt sĩ huyện G có đúng là em bà không (đính kèm).

- Ngày 17/5/2024, Sở LĐTBXH tỉnh T ban hành Công văn số 1195/SLĐTBXH-TTS về việc trả lời đơn kiến nghị. Nội dung: Yêu cầu chuyển hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Văn H về xã T và ghi tên vào nhà bia ghi danh liệt sĩ tại UBND xã T; Xác minh thu thập lời khai của ông Lê Hoàng H1 và ông Lê Văn H2 là hai người chung đơn vị công tác với liệt sĩ Nguyễn Văn H; Kiểm tra xem xét lại tờ khai thân nhân liệt sĩ do bà Lê Thị T khai ngày 27/02/1977 đối với liệt sĩ Nguyễn Văn H; Hướng dẫn thân nhân thực hiện thủ tục để chuyển linh cửu liệt sĩ Nguyễn Văn H từ xã L về xã T để thực hiện việc an táng (đính kèm).

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Ý

** Tại tờ khai ngày 19/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị T1 (Lê Thị T) trình bày:*

Năm 1964, Bà có đi công tác chung với ông Nguyễn Văn H (liệt sĩ Nguyễn Văn H) không nhớ ngày giờ tại đơn vị Quân Y. Thời gian sau bà và ông H mới thương nhau, lúc đó tình hình khó khăn không thể tổ chức đám cưới. Nên đơn vị đã tổ chức tuyên bố cho bà và ông H làm vợ chồng. Lúc tuyên bố có sự chứng kiến của ông 9 Thòn, 2 C, B, 3 Thái, 8 N, ông C1 cùng một số anh em trong đơn vị bà không nhớ tên hết. Hiện tại những người đó đã mất.

Sau đó năm 1968, bà đã mang thai được 01 đứa con gái tuổi thân sinh ở nhà má 6 ở V, sanh được 01 tháng tuổi bé chết. Sau đó mới mang thai đứa thứ hai gần tới ngày sanh chồng bà (Nguyễn Văn H) đem bà đi gởi cho bà má 2 để tiện chăm sóc chờ ngày sanh nở, rồi chồng bà quay về đơn vị và bị lựu đạn nổ bị thương trong lúc đưa về đơn vị để điều trị vết thương thì chết giữa đường. Rồi 01 tháng sau bà mới sanh 01 đứa con trai tại nhà má 2, bà ở lại nhà má 2 cho cứng cáp sau đó bà gởi con cho má 2 chăm sóc bà quay về đơn vị.

Sau đó bà bồng theo con vừa chăm con vừa công tác tại đơn vị cho đến khi hòa bình.

Sau hòa bình bà dẫn con về thăm Cậu bà (Ba chồng lúc bấy giờ). Thời gian sau Cậu bà nghe được văn bản cấp dưỡng nuôi con liệt sỹ, cậu mới làm giấy tờ cho con bà lãnh tiền cấp dưỡng đến năm 18 tuổi. Lúc cậu bà làm khai con bà tên Nguyễn Văn D trong khi giấy khai sanh tên Nguyễn Văn N. Nhưng ở bên ngoại tên N là trùng tên với ông kế bên nhà ngoại nên bà ngoại thường kêu là D nên cậu bà nghe và tự làm giấy tờ cho con bà tên D chứ D và Nam là cùng 01 người.

Từ ngày bà dẫn con về thăm cậu, cả gia đình đều chấp nhận bà là dâu và con bà là cháu nội. Ba chồng cùng anh, chị chồng gồm chị 3 Khiết, A N, chị 5 Ý đều chấp nhận bà và con bà. Từ đó giờ con bà vẫn thường xuyên lui tới bên

nội mỗi khi có tiệc tùng bình thường, không hiểu vì lý do gì mà chị chồng bà (Chị 5 Ý) lại đưa đơn thưa kiện.

Nay, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Ý.

** Tại tờ khai ngày 19/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N (Nguyễn Văn D) trình bày:*

Hồi nhỏ ông có theo mẹ là bà Mai Thị T1 theo về quê bên nội, thời gian ông lớn lên có thường xuyên lui tới bên nội mỗi khi có đám tiệc (đám giỗ ông, bà,...) có tới lui với Cô 3, Cô 5, B. Ông cũng biết ngày giỗ Bà nội ông B 4 giỗ vào ngày 20 tháng giêng. Sau một thời gian gia đình gặp nhiều khó khăn nên ông ít có lui tới bên nội nên Cô 3 sai mấy anh cùng mấy anh con Bác 4 đi tìm ông. Đám cưới con của các Cô, B bên nội đều có mời ông đến tham dự.

Rồi sau nghe cô 5 (Nguyễn Ngọc Ý) giỗ bà nội ông vào ngày 19 tháng giêng thì ông cũng đến dự, còn Bác 4 vẫn giỗ bà N3 vào ngày 20 tháng giêng.

Các Anh, C2, E, C3, B và ông vẫn tới lui vui vẻ bình thường. Sau đến lúc năm 2018 có tin tìm được hài cốt cha ông (Nguyễn Văn H) thì ông cùng các Cô, C4, B có con của B 4, Cô 5 có đi lấy hài cốt. Sau đó hài cốt cha được đem về Nghĩa trang huyện G chôn cất.

Khi nghe tin của ấp báo có đoàn của Sở Lao động Thương binh Tỉnh T cùng Cán bộ Phòng Lao động huyện Gò Công T6 và UBND xã L đến xác minh lời khai của ông và mẹ (Mai Thị T1) ông mới biết là Cô 5 Ý (Nguyễn Ngọc Ý) kiện ông và mẹ nhưng không biết kiện chuyện gì.

Nay, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Ý

* Tại phiên tòa người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về đối tượng khởi kiện hành chính và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công văn số 1195/SLĐTBXH-TTS ngày 17/5/2024 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh T là quyết định hành chính theo quy định tại Điều 3 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/5/2024 Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh T ban hành Công văn số 1195/SLĐTBXH-TTS trả lời đơn khiếu nại của bà Ý và ngày 12/6/2024 bà Ý khởi kiện đối với Công văn trên là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Giám đốc Sở Lao động , Thương binh và xã hội tỉnh T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu cho bà Nguyễn Ngọc Ý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 20 Luật khiếu nại.

[4]. Về nội dung khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Nguyễn Ngọc Ý là chị ruột của liệt sĩ Nguyễn Văn H, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì bà Ý không được hưởng chế độ. Liệt sĩ Nguyễn Văn H là con của cụ Nguyễn Văn T2 và liệt sĩ H có một người con chung với bà Lê Thị T (Mai Thị T1) là anh Nguyễn Văn N (Nguyễn Văn D) nên cụ T2, bà T1, anh N là đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng là đúng quy định. Khi còn sống cụ T2 là người kê khai xác định thân nhân của liệt sĩ H bao gồm cụ T2, bà T1, anh N (D). Bà Ý cho rằng bà T1 là người giả mạo chữ ký của cụ T2 để kê khai chứ cụ T2 không kê khai, nhưng bà Ý không có căn cứ chứng minh. Đồng thời, trong khoảng thời gian còn sống cụ T2 cũng không có khiếu nại gì về việc bà T1 và anh N (D) được hưởng chế độ theo khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Các thông tin kê khai sai sót trong tờ khai cũng đã được điều chỉnh phù hợp với thực tế. Do đó, Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh T (Nay là Sở N) có văn bản số 1195/SLĐTBXH-TTS ngày 17/5/2024 trả lời không chấp nhận yêu cầu của bà Ý là có căn cứ. Đồng thời, bà Ý không thuộc trường hợp được hưởng trợ cấp theo khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, bà Ý cũng không thuộc trường hợp là người đại diện của ông H theo quy định của pháp luật, nên bà Ý cũng không có quyền yêu cầu chuyển hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Văn H về xã T và ghi tên vào bản ghi danh liệt sĩ tại UBND xã T.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Ý về việc hủy Công văn số 1195/SLĐTBXH-TTS ngày 17/5/2024 của Sở Lao động , Thương binh và xã hội tỉnh T (nay là Sở Nội vụ tỉnh T) do có sai sót trong quá trình giải quyết khiếu nại và không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà; Yêu cầu hủy quyết định trợ cấp tiền tuất cho gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn H của Trưởng ty thương binh xã hội tỉnh T thừa ủy quyền UBND tỉnh T ban hành ngày 14/3/1978; Yêu cầu Sở Lao động , Thương binh và xã hội tỉnh T (nay là Sở N) thực hiện cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ cho bà Ý.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định nêu trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Ý được miễn tạm ứng án phí, án phí hành chính sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Ý về việc yêu cầu: Hủy Công văn số 1195/SLĐTBXH-TTS ngày 17/5/2024 của Sở Lao động , Thương binh và xã hội tỉnh T (nay là Sở Nội vụ tỉnh T); Hủy quyết định trợ cấp tiền tuất cho gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn H của Trưởng ty thương binh xã hội tỉnh T thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành ngày 14/3/1978; Yêu cầu Sở Lao động , Thương binh và xã hội tỉnh T (nay là Sở N) thực hiện cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ cho bà Ý.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Ý được miễn án phí hành chính sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CụcTHADS tỉnhTiền Giang;
- Cácđươngsự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Trung